TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhựt Thảo

2. Ông Trương Thành Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà S, tổ 10, ấp M, xã N, huyện M, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh B, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2018, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thanh B tự tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào năm 2015 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn khoảng 4 – 5 tháng thì anh B chị T xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong việc làm ăn, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 01/2017, chị T về nhà cha mẹ ruột và ly thân với anh B cho đến nay. Chị T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 12/4/2017, hiện nay cháu T1 đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu

được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh B thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh chị chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục chứ không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn khoảng ba tháng thì chị T muốn vợ chồng về nhà cha mẹ ruột chị T sống nhưng anh B không đồng ý nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị T tự ý về nhà cha mẹ ruột từ tháng 01/2017 đến nay. Anh vẫn còn thương vợ con, nhưng chị T cương quyết ly hôn nên anh B đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 12/4/2017, hiện nay cháu T1 đang sống với chị T. Sau khi ly hôn anh đồng ý cho chị T được tiếp tục nuôi con, anh B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không có ý kiến bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Nguyễn Thanh B hiện đang sinh sống và có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị T và anh B đều trình bày, anh chị có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh An Giang, và Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cũng xác nhận chị T và anh B chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn, không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn tại sổ đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T và anh B không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị T và anh B là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Chị T và anh B đều trình bày anh chị có một con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 12/4/2017, hiện nay cháu T1 đang sống với chị T. Hiện nay cháu T1 dưới 36 tháng tuổi, chị T và anh B đều thống nhất giao cháu T1 cho chị T được tiếp tục nuôi con, anh B không cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào

quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho chị T tiếp tục nuôi cháu T1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh B phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh B đều thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thanh B là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 12/4/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003398 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thanh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/7/2018).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao